TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2024.
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Hồng Thắm;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Quốc Tiến;

2. Bà Nguyễn Thị Phượng;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 666/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:121/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị C**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ L, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn: Anh **Lê Văn L**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ L, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 19/10/2023; Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Võ Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị C và anh Lê Văn L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 822 ngày 26/10/2002. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc,

vợ chồng hòa thuận nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nguyên nhân do anh L không còn quan tâm và có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi chơi cờ bạc bên ngoài bỏ bê gia đình, khi chị C nhắc nhở thì anh L còn dùng vũ lực với chị. Quá trình chung sống, chị C nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh L không thay đổi tính tình. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ khi chị C nộp đơn khởi kiện đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không ai có ý định hàn gắn tình cảm với nhau.

Nhận thấy đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị Võ Thị C yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn L.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Minh L, sinh ngày 20/6/2002, Lê Minh N, sinh ngày 03/4/2006, Lê Minh P, sinh ngày 06/01/2017. Hiện nay, cả 03 con chung đang sống với chị C. Khi ly hôn chị C yêu cầu được nuôi dưỡng con Lê Minh N, Lê Minh P. Chị C yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Đối với con chung Lê Minh L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Lê Văn L đã được được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Võ Thị C có đơn yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Anh Lê Văn L là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: ấp 3, xã Mỹ L, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Lê Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị C và anh L kết hôn với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình T, huyện Cao Lãnh ngày 26/10/2002, do đó hôn nhân giữa chị C và anh L là hợp pháp.

Chị C cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi; Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L không còn quan tâm và có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi chơi cờ bạc bên ngoài bỏ bê gia đình, khi chị C nhắc nhở thì anh L còn dùng vũ lực với chị khiến cho tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ khi chị C nộp đơn khởi kiện đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không ai có ý định hàn gắn tình cảm với nhau.

Mặc khác, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh L, anh L hiện đang sinh sống tại địa phương, biết rõ chị C yêu cầu ly hôn nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không gửi ý kiến về nội dung khởi kiện của chị C.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị C và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị C.

- **Về con chung**: Chị C và anh L có 03 con chung tên Lê Minh L, sinh ngày 20/6/2002, Lê Minh N, sinh ngày 03/4/2006, Lê Minh P, sinh ngày 06/01/2017.

Khi ly hôn, chị C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Lê Minh N, sinh ngày 03/4/2006 và Lê Minh P, sinh ngày 06/01/2017, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay, con chung Lê Minh N và Lê Minh P đang sống với chị C phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 08/3/2024 con chung Lê Minh N, và Lê Minh P đều có nguyện vọng được sống với chị C; Mặt khác, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh L, anh L hiện đang sinh sống tại địa phương, biết rõ chị C yêu cầu ly hôn và nuôi con nhưng không gửi ý kiến về nội dung khởi kiện của chị C cũng như không có yêu cầu nuôi dưỡng con chung. Do đó, giao con chung tên Lê Minh N, sinh ngày 03/4/2006 và Lê Minh P, sinh ngày 06/01/2017 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Minh N, Lê Minh P và không có yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Đối với con chung Lê Minh L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung**: Chị C trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về nợ chung:** Chị C trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí**: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo biên lai số 0001092 ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 , Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị C.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị C được ly hôn với anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Con chung tên Lê Minh N, sinh ngày 03/4/2006 và Lê Minh P, sinh ngày 06/01/2017 sẽ do chị Võ Thị C tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Đối với con chung Lê Minh L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Võ Thị C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo biên lai số 0001092 ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Trần Hồng Thắm